ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHOÁ 9 ĐỢT 1 NĂM 2014

TT	SBD	Họ và	tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt	Ghi chú
							Ngoại ngữ (Anh văn)	Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)			
1	000001	Võ Thị Thúy	Ái	Nữ	13/4/1986	Tiền Giang	62	1.25	1			
2	000002	Lê Đức	Anh	Nam	19/09/1989	Tp HCM	Đạt	7	5		TOEIC 505 ngày 19/03/2014	
3	000003	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	20/7/1989	TpHCM	78	5	5			
4	000004	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	06/10/1990	Đồng Nai	Đạt	8	5.5		TOEIC 625 ngày 24/09/2012	
5	000005	Cao Hùng Thiên	Bảo	Nam	29/6/1987	Đồng Nai	60	5	5.75			
6	000006	Đoàn Thái	Bảo	Nam	14/09/1989	Quảng Nam	Đạt	7	5.25		TOEIC 680 ngày 07/04/2014	
7	000007	Dương Thái	Bảo	Nam	25/08/1990	Vĩnh Long	Đạt	6	2.75		ĐHCNTT 64đ ngày 12-13/10/2013	
8	000008	Hà Vũ	Bảo	Nam	10/10/1990	Quảng Nam	Đạt	vắng	vắng		ĐH KHTN 52đ ngày 19/5/2013	
9	000009	Nguyễn Minh	Bảo	Nam	18/01/1980	Đồng Tháp	41	5.25	1.75			
10	000010	Phạm Khánh	Bảo	Nam	15/11/1987	Quảng Ngãi	vắng	vắng	vắng			
11	000011	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	06/6/1990	TpHCM	Đạt	2	2.25		TOEIC 525 ngày 04/12/2012	
12	000012	Trần Đức	Bình	Nam	01/04/1981	Khánh Hòa	30	5	1.75			
13	000013	Huỳnh Ngọc	Ca	Nam	06/10/1989	Bến Tre	Đạt	5.5	5		ĐHCNTT 53đ ngày 12-13/10/2013	

TT	SBD	Họ và	tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt	Ghi chú
							Ngoại ngữ (Anh văn)	Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)			
14	000014	Huỳnh Thị Ngọc	Cẩm	Nữ	1980	Kiên Giang	47	3	3			
15	000015	Nguyễn Hoàng	Chiến	Nam	1983	Cà Mau	61	6.75	2.5			
16	000016	Hồ Phú	Cường	Nam	16/01/1987	Tây Ninh	66	7.25	2			
17	000017	Phạm Quốc	Cường	Nam	01/01/1990	Tp HCM	vắng	2.5	vắng			
18	000018	Vòng Tấn Quốc	Cường	Nam	20/02/1988	TpHCM	67	3.25	2			
19	000019	Nguyễn Thành	Đa	Nam	01/09/1985	Phú Yên	vắng	vắng	vắng			
20	000020	Vũ Trọng	Đắc	Nam	16/3/1990	BR-VT	60	4.25	2.75			
21	000021	Trần Vạn Thúy	Diễm	Nữ	21/07/1983	Cà Mau	Đạt	5	6		Cử nhân Anh văn ĐH KHXHNV	
22	000022	Bùi Tá	Duy	Nam	22/01/1988	Quảng Ngãi	Đạt	3.75	3.5		Chương trình đào tạo 4 năm hoàn toàn bằng tiếng Anh ĐHQT	
23	000023	Danh Đức	Duy	Nam	22/02/1984	Kiên Giang	Đạt	6	3.25		ĐH CNTT 60đ ngày 12-13/10/2013	
24	000024	Nguyễn Kim	Duy	Nam	07/09/1983	Sông Bé	Đạt	9.25	7.5		TOEIC 755 ngày 27/02/2014	
25	000025	Lê Nguyễn Trường	Giang	Nam	20/8/1978	Đồng Nai	Đạt	2.75	2.25		ĐHCNTT 69đ ngày 18-19/05/2013	
26	000026	Đặng Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	08/08/1985	Tiền Giang	Đạt	5	3.25		ĐHCNTT 52đ ngày 12-13/10/2013	
27	000027	Lương Tấn Minh	Hải	Nam	05/04/1979	Tp HCM	Đạt	4.25	3		ĐHCNTT 55đ ngày 12-13/10/2013	
28	000028	Phạm Thị Ngọc	Hân	Nữ	10/03/1990	Tiền Giang	60	1.75	3			

TT	SBD	Họ và	tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt	Ghi chú
							Ngoại ngữ (Anh văn)	Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)			
29	000029	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	27/07/1987	Bà Rịa- Vũng Tàu	Đạt	6.5	5		ĐHCNTT 61đ ngày 12-13/10/2013	
30	000030	Trần Văn	Hào	Nam	19/7/1989	Vĩnh Long	67	2.5	1.75			
31	000031	Đái Trung	Hậu	Nam	12/3/1991	Tiền Giang	Đạt	7	3.75		IELTS 5.5 ngày 15/4/2013	
32	000032	Bùi Thị	Hiền	Nữ	08/9/1986	Nam Định	vắng	3.75	2.75			
33	000033	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	Nữ	28/05/1982	Long An	vắng	3.25	vắng			
34	000034	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	02/01/1988	Long An	66	7	2.5			
35	000035	Đặng Lê	Hoài	Nam	16/11/1988	Quảng Ngãi	Đạt	8.25	5.75		ĐH CNTT 57đ ngày 12-13/10/2013	
36	000036	Hồ Công	Hoài	Nam	01/7/1991	Bình Dương	59	7.5	6			
37	000037	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	14/01/1986	Nghệ An	32	5	3			
38	000038	Trịnh Thị	Hoàng	Nữ	12/5/1988	Bình Định	Đạt	3.5	1.25		ĐHCNTT 50đ ngày 12-13/10/2013	
39	000039	Phạm Đỗ	Huân	Nam	14/05/1991	Tiền Giang	61	2	2.5			
40	000040	Chu Thị	Huế	Nữ	17/09/1985	Thanh Hóa	Đạt	5.75	5		ĐHCNTT 56đ ngày 12-13/10/2013	
41	000041	Đinh Việt	Hùng	Nam	05/5/1986	Hà Tĩnh	65	6.5	2.25			
42	000042	Lê Duy	Hùng	Nam	22/01/1991	Bình Dương	65	6.25	2.25			
43	000043	Hoàng Mạnh	Hưng	Nam	17/02/1990	Nghệ An	Đạt	6.75	3.25		TOEIC 515 ngày 31/3/2014	
44	000044	Lê Nguyễn Gia	Hưng	Nam	22/06/1990	Quãng Ngãi	Đạt	3.5	5.5		TOEIC 820 ngày 22/03/2014	

TT	SBD	Họ và	tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt	Ghi chú
							Ngoại ngữ (Anh văn)	Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)			
45	000045	Võ Xuân Thanh	Hưng	Nam	20/09/1985	Quãng Ngãi	vắng	4.5	2.25			
46	000046	Trần Thị Thanh	Hương	Nữ	20/11/1983	BR-VT	Đạt	6.5	5.75		ĐH CNTT 51đ ngày 18-19/5/2013	
47	000047	Nguyễn Thế	Hữu	Nam	03/02/1988	Tiền Giang	52	4	2.5			
48	000048	Huỳnh Đức	Huy	Nam	02/01/1999	Bến Tre	63	Đạt	Đạt		thi vấn đáp đạt	
49	000049	Nguyễn Anh	Huy	Nam	29/05/1988	Thuận Hải	vắng	1.75	1.5			
50	000050	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	01/03/1987	Tp HCM	70	7	2.75			
51	000051	Phạm Quốc	Huy	Nam	15/11/1983	Tây Ninh	68	7.75	5.5			
52	000052	Võ Hà Quốc	Huy	Nam	15/08/1989	Đồng Nai	52	2	0.5			
53	000053	Trần Đức	Hy	Nam	01/04/1970	Bình Thuận	Đạt	7.5	5		TOEFT ITP 467 ngày 15/09/2013	
54	000054	Võ Lê Hoàng	Khải	Nam	10/02/1984	TpHCM	54	2.25	1			
55	000055	Mai Trọng	Khang	Nam	08/04/1991	An Giang	Đạt	Đạt	Đạt		TOEIC 780 ngày 24/03/2014, thi vấn đáp đạt	
56	000056	Đặng Hữu	Khanh	Nam	21/7/1985	TpHCM	vắng	vắng	vắng			
57	000057	Huỳnh Tấn	Khoa	Nam	13/09/1988	Tây Ninh	Đạt	3.5	3		VNU EPT B1.3 201đ ngày 08/03/2014	
58	000058	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	14/03/1991	An Giang	80	Đạt	Đạt		thi vấn đáp đạt	
59	000059	Phan Trung	Kiên	Nam	09/08/1989	Gia Lai	71	5.5	4.25			

TT	SBD	Họ và	tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt	Ghi chú
							Ngoại ngữ (Anh văn)	Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)			
60	000060	Huỳnh Sơn	Lâm	Nam	19/07/1988	Đồng Tháp	61	6	6			
61	000061	Nguyễn	Lâm	Nam	07/12/1989	Đồng Nai	Đạt	8.5	3.25		ĐHCNTT 60đ ngày 12-13/10/2013	
62	000062	Trần Viết	Lâm	Nam	14/7/1990	Quảng Bình	44	1.75	0			miền núi Tuyên Hóa
63	000063	Lê Quang Bảo	Lân	Nam	01/01/1991	Bà Rịa- Vũng Tàu	Đạt	6	3.5		VNU EPT B1.3 201đ ngày 08/03/2014	
64	000064	Nguyễn Trần	Lê	Nam	05/9/1990	Đồng Tháp	64	6.25	1.5			
65	000065	Hồ Dư Trọng	Lễ	Nam	12/3/1991	TpHCM	66	3	2.25			
66	000066	Hà Hữu	Liêm	Nam	15/06/1989	Tp HCM	vắng	2.5	vắng			
67	000067	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	20/01/1985	Tây Ninh	60	2	3			
68	000068	Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	30/04/1989	Ninh Thuận	Đạt	8	5		TOEIC 625 ngày 20/09/2013	
69	000069	Hoàng Tuấn	Long	Nam	24/08/1988	Hòa Bình	Đạt	8.75	5.25		Cử nhân Anh văn	
70	000070	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	10/11/1989	Đồng Nai	50	1.25	2.5			
71	000071	Nguyễn Thành	Luân	Nam	19/05/1991	Đồng Nai	Đạt	Đạt	Đạt		TOEIC 585 ngày 15/03/2014, thi vấn đáp đạt	
72	000072	Nguyễn Hữu	Lý	Nam	18/08/1990	Đồng Tháp	50	1.75	1.25			
73	000073	Lê Xuân	Mạnh	Nam	20/11/1984	Thanh Hóa	Đạt	5	2		ĐHCNTT 73đ T5/2012	
74	000074	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	12/10/1984	Long An	Đạt	2	3.5		ĐHCNTT 70đ ngày 18-19/05/2013	

TT	SBD	Họ và	tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt	Ghi chú
							Ngoại ngữ (Anh văn)	Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)			
75	000075	Trần Thông	Minh	Nam	06/09/1987	Bình Dương	57	1	2.25			
76	000076	Võ Công	Minh	Nam	02/07/1980	Quảng Nam	Đạt	5.5	5		ĐHCNTT 51đ ngày 18-19/05/2013	
77	000077	Võ Ngọc	Minh	Nam	12/4/1986	Daklak	44	5.5	5.25			
78	000078	Nguyễn Khánh Hoài	Nam	Nam	30/03/1985	Tp HCM	Đạt	6.75	5		TOEIC 580 ngày 03/03/2014	
79	000079	Trần Phan Minh	Nghi	Nam	07/8/1989	Đồng Tháp	76	6.25	4.25			
80	000080	Trần Hữu	Nghị	Nam	10/10/1988	Bến Tre	Đạt	vắng	vắng		ĐHCNTT 62đ ngày 18-19/5/2013	
81	000081	Nguyễn Lương Anh	Ngọc	Nam	10/9/1989	Bình Thuận	66	5.5	3.5			
82	000082	Nguyễn Thanh	Nguyên	Nam	06/05/1988	Tiền Giang	44	3.75	2.5			
83	000083	Nguyễn Ngọc	Nguyện	Nam	04/04/1985	Quãng Ngãi	63	8.5	5.5			
84	000084	Lê Thành	Nhân	Nam	18/05/1984	Huế	Đạt	2.25	1.5		ĐHCNTT 52đ ngày 13-14/10/2012	
85	000085	Nguyễn Huỳnh	Như	Nữ	02/06/1990	Tp HCM	Đạt	6.5	3.25		TOEIC 665 ngày 09/08/2012	
86	000086	Quách Thị Bích	Nhường	Nữ	06/07/1983	Hải Dương	28	3.75	5			
87	000087	Trần Văn	Ninh	Nam	06/11/1989	Thái Bình	51	1	1.5			
88	000088	Mohamed Aly	Pasha	Nam	22/5/1982	TpHCM	Đạt	3	2.75		TOEIC 830 ngày 03/3/2014	dân tộc Chăm
89	000089	Nguyễn Kiều	Phát	Nam	03/09/1989	Daklak	Đạt	5.25	3		ĐHCNTT 56đ ngày 18-19/05/2013	
90	000090	Ngô Huỳnh Ngọc	Phú	Nam	01/07/1988	Khánh Hòa	Đạt	8.75	7.25		VNU EPT B2 289đ ngày 22/03/2014	

TT	SBD	Họ và	tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt	Ghi chú
							Ngoại ngữ (Anh văn)	Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)			
91	000091	Nguyễn Đức	Phú	Nam	15/01/1991	Bến Tre	Đạt	6.25	6		TOEIC 635 ngày 06/10/2013	
92	000092	Trần Vĩnh	Phúc	Nam	25/10/1982	Đà Lạt	48	3.5	5			
93	000093	Trương Văn	Phúc	Nam	12/11/1985	Long An	59	6.25	4			
94	000094	Nguyễn Bá	Phước	Nam	02/03/1990	Thái Bình	Đạt	4	5.75		TOEIC 695 ngày 15/03/2014	
95	000095	Lê Phạm Vũ	Phương	Nam	02/11/1985	Cửu Long	Đạt	5.25	2.25		ĐHCNTT 54đ ngày 12-13/10/2013	
96	000096	Lê Thanh	Phương	Nam	12/07/1983	Bến tre	27	3.75	2.25			
97	000097	Nguyễn Cao Hoài	Phương	Nam	18/1/1990	Bình Dương	27	5	3.25			
98	000098	Nguyễn Minh	Quang	Nam	01/01/1989	Daklak	Đạt	7	2.75		ĐHCNTT 54đ ngày 12-13/10/2013	
99	000099	Lê Thị Ngọc	Quế	Nữ	30/09/1979	TpHCM	62	5	3.75			
100	000100	Nguyễn Vương	Sang	Nam	13/01/1989	Long An	Đạt	3.75	2		ĐHCNTT 59đ ngày 18-19/5/2013	
101	000101	Trần Hoàng	Sang	Nam	22/12/1990	Tiền Giang	51	3.5	1.25			
102	000102	Nguyễn Thanh	Sơn	Nam	01/05/1979	Tây Ninh	Đạt	5.75	2		ĐHCNTT 57đ ngày 13-14/10/2012	
103	000103	Trần Ngọc	Tài	Nam	20/10/1989	Phú Yên	Đạt	5.25	5.5		ĐH CNTT 57đ ngày 13-14/10/2012	
104	000104	Đỗ Thị Thanh	Tâm	Nữ	25/03/1987	Tây Ninh	vắng	vắng	vắng			
105	000105	Lê Đình	Tâm	Nam	11/4/1978	TpHCM	Đạt	2.75	4		TOEIC 605 ngày 26/11/2013	
106	000106	Trần Thanh	Tâm	Nữ	23/03/1985	Tp HCM	41	5.5	5.5			

TT	SBD	Họ và	tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt	Ghi chú
							Ngoại ngữ (Anh văn)	Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)			
107	000107	Bùi Duy	Tân	Nam	01/07/1968	TpHCM	Đạt	3.5	2.25		ĐH CNTT 50đ ngày 18-19/05/2013	
108	000108	Nguyễn Duy	Tân	Nam	'16/09/1990	Long An	Đạt	6	5		ĐHCNTT 58đ ngày 13-14/10/2012	
109	000109	Nguyễn Duy	Tân	Nam	10/06/1989	Bình Thuận	vắng	vắng	vắng			
110	000110	Trần Thành	Tân	Nam	26/10/1989	TpHCM	Đạt	6.25	5		TOEIC 525 ngày 04/04/2014	
111	000111	Nguyễn Văn	Tạo	Nam	12/04/1983	Quãng Nam	vắng	vắng	vắng			
112	000112	Cao Vĩnh	Thái	Nam	26/8/1990	Bạc Liêu	Đạt	1.5	4		ĐH KHTN 55đ ngày 19/5/2013	
113	000113	Lê Hồng	Thái	Nữ	07/07/1982	Kiên Giang	vắng	4.25	5			
114	000114	Phạm Thị	Thắm	Nữ	08/10/1989	Nghệ An	Đạt	6.25	5.25		ĐHCNTT 51đ ngày 18-19/5/2013	
115	000115	Đào Mạnh	Thắng	Nam	12/08/1986	Tp HCM	Đạt	0.25	0.75		TOEIC 635 ngày 19/02/2014	
116	000116	Mai Hoàng	Thắng	Nam	29/11/1985	Đồng Nai	Đạt	6.75	3		VNU-EPT 215đ ngày 29/3/2014	
117	000117	Chu Văn	Thành	Nam	25/02/1990	Nghệ An	72	5	3.5			
118	000118	Mai Trung	Thành	Nam	07/08/1990	Tây Ninh	44	4.25	5.5			
119	000119	Nguyễn Phước	Thành	Nam	30/10/1990	Tây Ninh	vắng	1.25	2			
120	000120	Nguyễn Quốc	Thành	Nam	09/07/1984	Quảng Nam	50	6	5			
121	000121	Nguyễn Thị Yến	Thi	Nữ	01/6/1989	Tiền Giang	Đạt	6.25	5		ĐH CNTT 52đ ngày 12-13/10/2013	
122	000122	Lê Đức	Thịnh	Nam	01/01/1989	Long An	Đạt	5	3		ĐHCNTT 61đ ngày 18-19/05/2013	

TT	SBD	Họ và	tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt	Ghi chú
							Ngoại ngữ (Anh văn)	Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)			
123	000123	Trần Hữu	Thịnh	Nam	03/5/1991	Đồng Nai	vắng	vắng	vắng			
124	000124	Nguyễn Hữu	Thọ	Nam	08/05/1990	Vĩnh Long	Đạt	5	4.25		ĐHCNTT 67đ ngày 12-13/10/2013	
125	000125	Tạ Thu	Thủy	Nam	25/06/1991	Kiên Giang	Đạt	Đạt	Đạt		TOEIC 540 ngày 18/03/2014, thi vấn đáp đạt	
126	000126	Trần Lệ	Thủy	Nữ	10/9/1976	Vĩnh Phúc	Đạt	6	3.25		ĐHCNTT 53đ ngày 12-13/10/2013	
127	000127	Nguyễn Tài	Tiệp	Nam	21/3/1988	Đồng Nai	Đạt	5	1.5		ĐH CNTT 54đ ngày 12-13/10/2013	
128	000128	Phạm Trung	Tín	Nam	15/07/1991	An Giang	84	Đạt	Đạt		thi vấn đáp đạt	
129	000129	Chu Xuân	Tình	Nam	10/07/1984	Thanh Hóa	25	3.25	2.25			
130	000130	Nguyễn Văn	Trãi	Nam	02/12/1989	Bến Tre	43	5.5	2			
131	000131	Lôi Thị Tú	Trân	Nữ	05/9/1985	An Giang	44	5.75	3			
132	000132	Lê Ngọc	Trí	Nam	1986	Tiền Giang	48	4	0.25			
133	000133	Nguyễn Hữu	Trí	Nam	04/12/1988	Tp HCM	Đạt	6.75	3.5		TOEIC 645 ngày 22/08/2013	
134	000134	Nguyễn Khánh	Trình	Nam	18/01/1985	Cà Mau	Đạt	vắng	vắng		TOEIC 600 ngày 09/11/2013	
135	000135	Hứa Phước	Trường	Nam	19/08/1991	Sóc Trăng	Đạt	Đạt	Đạt		TOEIC 650 ngày 06/11/2013, thi vấn đáp đạt	
136	000136	Nguyễn Hoàng	Tú	Nam	23/5/1989	Tiền Giang	Đạt	6	2.75		ĐH CNTT 75đ ngày 12-13/10/2013	

TT	SBD	Họ và	tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt	Ghi chú
							Ngoại ngữ (Anh văn)	Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)			
137	000137	Trần Thanh	Tú	Nam	24/07/1988	Tp HCM	Đạt	6.25	3.25		TOEIC 635 ngày 29/03/2013	
138	000138	Cao Vĩnh	Tuấn	Nam	26/8/1990	Bạc Liêu	Đạt	5.25	5.25		ĐH KHTN 59đ ngày 19/5/2013	
139	000139	Lâm Hữu	Tuấn	Nam	1983	An Giang	42	2.25	2.25			
140	000140	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	15/04/1984	Tiền Giang	Đạt	vắng	vắng		ĐHCNTT 54đ ngày 12-13/10/2013	
141	000141	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	18/9/1983	Tây Ninh	Đạt	8.25	5		VNU- EPT 261điểm ngày 22/3/2014	
142	000142	Võ Khắc	Tuấn	Nam	22/05/1984	Đồng Nai	Đạt	5.5	5		Cử nhân Anh văn	
143	000143	Nguyễn Thành	Tươi	Nam	18/08/1988	Xã Trung Ngãi	vắng	vắng	vắng			
144	000144	Huỳnh Thị Ngọc	Tuyền	Nữ	21/08/1986	Tiền Giang	Đạt	5	2.5		ĐH CNTT 56đ ngày 12-13/10/2013	
145	000145	Tôn Thất Kỳ	Văn	Nam	14/08/1989	Thừa Thiên Huế	Đạt	4	2.75		ĐHCNTT 51đ ngày 12-13/10/2013	
146	000146	Lê Hoàng	Việt	Nam	20/4/1990	TpHCM	76	1	1.5			
147	000147	Trịnh Quốc	Việt	Nam	26/7/1983	Sóc Trăng	37	1.75	3.75			
148	000148	Hồ Nhật	Vinh	Nam	26/01/1983	Bến Tre	Đạt	5.75	5		VNU-EPT 205đ ngày 29/3/2014	
149	000149	Hoàng Quang	Vinh	Nam	22/8/1981	Đồng Nai	Đạt	2.5	1.5		ĐHCNTT 52đ ngày 18-19/5/2013	
150	000150	Nguyễn Huỳnh Thanh	Vinh	Nam	26/02/1982	Tp HCM	vắng	vắng	vắng			
151	000151	Nguyễn Khắc	Vinh	Nam	13/10/1988	Long An	37	5.25	3			
152	000152	Đinh Quang	Vũ	Nam	28/12/1981	Đồng Nai	66	5.75	3.75			

TT	SBD	Họ và	tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt	Ghi chú
							Ngoại ngữ (Anh văn)	Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)			
153	000153	Phan Huy	Vũ	Nam	20/07/1981	Tp HCM	70	1.25	1.75			
154	000154	Tô Ứng	Vũ	Nam	12/11/1990	Quảng Trị	81	8	7.75			
155	000155	Trần Hạnh	Xuân	Nữ	10/12/1976	Hà Nội	Đạt	4	3		Cử nhân Anh văn	
156	000156	Phạm Thị	Xuyến	Nữ	19/6/1989	Ninh Bình	66	4.25	3.5			
157	000157	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	Nữ	20/07/1968	Gia Định	35	2.5	2			

TPHCM, ngày 12 tháng 6 năm 2014

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

HIỆU TRƯỞNG

Dương Anh Đức